

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 25/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 01/8/2017
V/v: Tranh chấp hôn nhân và
gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Bà Hoàng Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2016/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2017; Về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2017/QĐST-HN> ngày 12 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị T**, sinh năm 1966; Hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã V, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; Địa chỉ cư trú: Số nhà 966, đường L, thôn A, xã V, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Trường G**, sinh năm 1962; Hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã V, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; Địa chỉ cư trú: Số nhà 533, đường L, tổ 28, phường L, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa; nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày:** Chị và anh Nguyễn Trường G tự tìm hiểu thời gian 02 năm sau đó tổ chức cưới vào ngày 02/9/1987.

Do học vấn thấp, hiểu biết pháp luật hạn chế nên khi cưới anh, chị không đăng ký kết hôn và kể từ sau khi cưới đến nay anh, chị cũng không đăng ký kết hôn tại bất kỳ cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào. Quá trình chung sống tình cảm anh, chị hạnh phúc. Đến tháng 12/2014 anh, chị phát sinh mâu thuẫn nguyên do anh G có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị khuyên ngăn nhưng anh không nghe, cũng từ đó anh, chị đã không tìm được tiếng nói chung nên sống ly thân từ tháng 02/2015 đến nay. Thời gian sống ly thân, anh G không quan tâm đến gia đình và anh, chị chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị xin được ly hôn anh G. Chị xin ly hôn anh G chị đã suy nghĩ kỹ và tự nguyện.

Chị và anh G có 02 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 20/8/1988 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 01/7/1989. Hiện nay 02 con chung đều đã trưởng thành, tự lập được về kinh tế nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Hiện tại chị không có thai.

Chị và anh G đã tự giải quyết về tài sản chung; anh, chị không có công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải về tài sản.

**** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa; bị đơn anh Nguyễn Trường G trình bày:***

Anh và chị Trịnh Thị T tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới vào năm 1987 (anh không nhớ ngày, tháng vì thời gian quá lâu) nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn và cũng từ năm 1987 đến nay anh và chị T cũng không đăng ký kết hôn tại bất kỳ cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào do cả hai hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Quá trình chung sống tình cảm anh chị hạnh phúc khoảng 17 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn bởi anh, chị không thống nhất quan điểm về phương pháp làm kinh tế, mặt khác chị T nghi ngờ anh có quan hệ bất chính nên anh chị thường xuyên cãi nhau; anh, chị có tìm biện pháp để khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả mà đến tháng 12/2014 mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Từ năm 2015 đến nay anh, chị sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, anh thỉnh thoảng có về thăm gia đình nhưng chị T không quan tâm đến anh. Nay chị T xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng thứ sự không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

Anh và chị T có 02 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 20/8/1988 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 01/7/1989. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành, tự lập về kinh tế nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Anh và chị T đã giải quyết xong với nhau về tài sản chung; anh, chị không nợ chung tài sản gì của ai và không cho ai vay mượn tài sản chung gì nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

**** Tại Biên bản xác minh ngày 27/6/2017, đại diện thôn S; thôn A, xã V và đại diện UBND xã V, thành phố Thái Bình, cung cấp như sau:***

Anh Nguyễn Trường G và chị Trịnh Thị T tự tìm hiểu và có tổ chức cưới vào tháng 9/1987 nhưng không đăng ký kết hôn. Kể từ tháng 9/1987 đến nay anh G, chị T cũng không đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Anh G, chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã V, thành phố Thái Bình và sinh sống tại đó từ năm 1987 đến khoảng năm 2002 thì anh, chị chuyển đến sinh sống tại thôn A, xã V, thành phố Thái Bình. Quá trình chung sống tại địa phương tình cảm anh, chị hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2015 anh G có biểu hiện quan hệ bất chính, mặt khác anh, chị không thống nhất về phương pháp làm kinh tế dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, đánh, cãi nhau. Tuy vậy anh, chị cũng không nhờ đến chính quyền địa phương hòa giải. Cũng khoảng từ năm 2015, anh G, chị T sống ly thân mỗi người một nơi. Địa phương xác định tình cảm của anh G, chị T khó có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh G, chị T có 02 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 20/8/1988 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 01/7/1989, hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, có công việc làm và thu nhập ổn định vì vậy Tòa án không phải giải quyết về con chung. Về tài sản chung, anh G, chị T đã tự giải quyết về tài sản vì vậy Tòa án không phải giải quyết về tài sản chung. Hiện tại anh, chị không có công nợ gì của các tổ chức, đoàn thể tại địa phương nên địa phương không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; xử không công nhận chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Trường G là vợ chồng.

- Quan hệ con chung: Chị T, anh G có 02 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 20/8/1988 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 01/7/1989, đều đã trưởng thành, tự lập về kinh tế nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản: Chị T, anh G đã tự giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Trường G tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới theo phong tục truyền thống tại địa phương nhưng không đăng ký kết hôn và cũng từ khi sống chung đến nay anh, chị không đăng ký kết hôn tại bất kỳ cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào nghĩa là anh, chị đã vi phạm Luật hôn nhân và gia đình. Nay cả hai anh chị đều xác định cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ gia đình được nữa nên thỏa thuận ly hôn. Xét thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, tuy nhiên anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, cần xét xử theo hướng không công nhận chị T và anh G là vợ chồng.

[2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh G có 02 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 20/8/1988 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 01/7/1989, hiện nay cả 02 con chung đều đã trưởng thành và tự lập được về kinh tế nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Chị T, anh G đã tự giải quyết về tài sản chung, anh chị không vay nợ chung tài sản gì của ai và cũng không cho ai vay tài sản chung gì nên không yêu cầu giải quyết về tài sản.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án thấy là hoàn toàn phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Điều a khoản 1 Điều 35; Khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Trường G là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Trường G có 02 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 20/8/1988 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 01/7/1989, hiện nay 02 con chung đều đã trưởng thành, tự lập được về kinh tế nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Trường G đã tự giải quyết về tài sản chung, anh chị không vay nợ chung tài sản gì của ai và cũng không cho ai vay mượn tài sản chung gì nên không yêu cầu giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai số 0006492 ngày 06/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 01/8/2017.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, cơ quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hân

HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ SÔ THAẢM
húi thÈm nh©n d©n thÈm ph,n - chñ to¹ phi²n toµ

**Tòa án nhân dân
Thị trấn thị trấn
tỉnh thị trấn**

**Cổng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Séc Lềp- Từ do- H¹nh phúc**

BIEÂN BAÛN NGHÒ AUN

Hôm nay, ngày 05 tháng 10 năm 2016. T¹i ph¹ng ngh¹ T¹a, n nh¹n d¹n
d¹n th¹nh ph¹ Th¹i B¹xnh.

Héi @¹ng x¹Đt x¹ s¹ th¹Em g¹m c¹:

- **Th¹Em ph¹,n- ch¹ to¹ ph¹i¹n to¹** : O¹Ang L¹ Ki¹n Trung.

- **Ho¹i tha¹m nha¹n da¹n** : B¹ Nguyễn Thị An- Chủ tịch Hội phụ nữ
thành phố Th¹i B¹xnh.

Ông Nguyễn Nam Bình- Phó Chủ nhiệm Ủy ban
kiểm tra thành ủy Th¹i B¹xnh.

C¹n c¹ v¹o §i¹Đu 264 Bé l¹Et t¹ t¹ng d¹n s¹ n¹m 2015;

Héi @¹ng x¹Đt x¹ @¹ th¹o l¹En c¹ v¹En @¹ c¹n gi¹i quy¹Đt v¹ ti¹Đn h¹nh
bi¹Đu quy¹Đt t¹ng v¹En @¹ ph¹i gi¹i gi¹i quy¹Đt trong v¹,n: Tranh ch¹Ep H¹n nh¹n
v¹ gia @¹xnh. Gi¹÷a:

+ **Nguy¹n @¹-n**: Ch¹ L¹ Th¹ H¹ng, sinh n¹m 1978; N¹-i §KHKT¹: L¹
51B4, khu quy ho¹ch T¹i @¹nh c¹, t¹ 36, ph¹-êng Tr¹Çn L¹m, TP. Th¹i B¹xnh, t¹Đnh
Th¹i B¹xnh; Ch¹ ở: thôn Thái Hòa 2, xã Đông Hoàng, huyện Đông Hưng, tỉnh
Thái Bình.

+ **B¹ @¹-n**: Anh **Nguy¹Đn V¹n Th¹i**, sinh n¹m 1973; N¹-i §KHKT¹ : Kh¹,nh
Xu¹n, Bu¹n Ma Thuét, §¹k L¹k; Ch¹ ẽ hi¹Đn nay: L¹ 51B4, khu quy ho¹ch T¹i
@¹nh c¹, t¹ 36, ph¹-êng Tr¹Çn L¹m, th¹nh ph¹ Th¹i B¹xnh, t¹Đnh Th¹i B¹xnh.

(C¹,c @¹-ng s¹ @¹Đu c¹ m¹Et t¹i ph¹i¹n t¹a)

K¹Đt qu¹ bi¹Đu quy¹Đt nh- sau:

,p d¹ng: Khoa¹n 1 N¹Đu 51; Kho¹n 1 §i¹Đu 56; §i¹Đu 81, 82, 83, 84 Lua¹t
ho¹n nha¹n v¹o gia ñ¹nh n¹m 2014; §i¹Đm a kho¹n 1 §i¹Đu 35; N¹Đu 147; §i¹Đu
271; §i¹Đu 273 Bé l¹Et t¹ t¹ng d¹n s¹ n¹m 2015; Ph¹,p l¹Đnh ,n ph¹Đ l¹Đ ph¹Đ To¹
,n ngày 27/02/2009 c¹Đa U¹ ban Th¹-êng v¹ Qu¹Đc héi; Ngh¹ quy¹Đt số

01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

1/. VÒ quan hỖ h«n nh©n: Xõ cho chị Lê Thị Hồng được ly hôn anh Nguyễn Văn Thùy.

BiÖu quyÖt: 3/3 nhÊt trÝ.

2/. VÒ con chung:Xõ giao hai con chung Nguyễn Tiến Dũng, sinh ngày 28/03/2004 và Nguyễn Tuấn Dũng, sinh ngày 13/02/2012 cho chÞ Lê Thị Hồng trực tiÖp nu«i d-ìng. Buéc anh Nguyễn Văn Thùy ph¶i cÊp d-ìng tiÖn nu«i hai con chung cïng chÞ Hồng, mçi con lû 1.000.000 ®ång/1 th,ng (hai con lû 2.000.000 ®ång/1 th,ng). Thêi gian cÊp d-ìng tÝnh tõ th,ng 10/2016 ®Ön khi con chung ®ñ 18 tuæi.

Hai b¸n c¸ quyÖn th¸m nom, ch¸m s¸c, gi,o d¸c con chung, c¸ quyÖn xin thay ®æi ng-êi trực tiÖp nu«i con vµ m¸c cÊp d-ìng nu«i con khi cÇn thiÖt.

BiÖu quyÖt: 3/3 nhÊt trÝ.

3/. VÒ ta¸i saün: Kh«ng ñ¸ét ra giaûi quyêát.

BiÖu quyÖt: 3/3 nhÊt trÝ.

4/. VÒ ,n phÝ:Chị Lê Thị Hồng ph¶i nép 200.000 ®ång àn phí ly h«n s¸ tha¸m. ChuyÖn sè tiÖn 200.000 ®ång chị Hồng nép t¸m øng ,n phÝ t¸i bi¸n lai thu sè 0005978 , nguy 09/5/2016 cña Chi c¸c Thi hµnh ,n d©n sù thµnh phè Th,i B×nh thµnh tiÖn ,n phÝ.

Anh Nguyễn Văn Thùy phải nộp 200.000 ®ång ,n phÝ cña ng-êi c¸ nghÖa v¸ cÊp d-ìng nu«i con.

Tr-êng hîp b¶n ,n, quyÖt ®¶nh ®-íc thi hµnh theo quy ®¶nh t¸i §iÖu 2 LuËt Thi hµnh ,n d©n sù th¸ ng-êi ®-íc thi hµnh ,n d©n sù, ng-êi ph¶i thi hµnh ,n d©n sù c¸ quyÖn th¸a thuËn thi hµnh ,n, quyÖn y¸u cÇu thi hµnh ,n, tù nguyÖn thi hµnh ,n hoÆc bÞ c-ìng ch¸ thi hµnh ,n theo quy ®¶nh t¸i c,c ®iÖu 6, 7, 7a vµ 9 LuËt thi hµnh ,n d©n sù; thêi hiÖu thi hµnh ,n ®-íc thùc hiÖn theo quy ®¶nh t¸i §iÖu 30 LuËt thi hµnh ,n d©n sù.

BiÖu quyÖt: 3/3 nhÊt trÝ.

5/. VÒ quyÖn kh,ng c,o:

C,c ®-ng sù ®-íc quyÖn kh,ng c,o trong thêi h¹n 15 nguy k¸ tõ nguy tuy¸n ,n.

BiÖu quyÖt: 3/3 nhÊt trÝ.

Bi¸n b¶n lËp xong ®· ®¸c l¸i, c,c thµnh vi¸n trong H§XX th«ng qua, nhÊt trÝ, ký t¸n.

HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÖÛ SÔ THAẢM

húi thÈm nh©n d©n

thÈm ph,n - chñ to¹ phi²n toµ